

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Tuyền;

Bà Bé Thị Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường – Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà -
Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tần Thị X, sinh ngày 09/03/1996.(Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản T Ph Nh, xã B G, huyện T Đ, tỉnh L Ch.

- *Bị đơn:* Anh C Ch (G ZH), sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú tại nước Tr Q: Số B, Lầu 1 Đ ng 3, tòa 3, số 15 phố Í D T, thị trấn N L, huyện N B, tỉnh T X, Tr Q.

Địa chỉ tạm trú tại nước Việt Nam: Khu đô thị mới M Đ II, thị trấn N, huyện V Y, tỉnh B G.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lò Văn Hặc – Luật sư công ty TNHH Hoàng Liên – Địa chỉ: tổ 23, phường Đông Phong, tp Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Tần Thị Xám trình bày:

Chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH) tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T Đ, tỉnh L Ch, Việt Nam, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/8/2022.

Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn tại tỉnh Bắc Ninh nơi hai vợ chồng cùng làm công nhân. Khoảng một tháng sau khi đăng ký kết hôn thì chị X nghỉ làm ở Công ty Bắc Ninh trở về nhà tại huyện T Đ, tỉnh L Ch còn anh C Ch về Trung Quốc theo địa chỉ tại: Số B, Lầu 1 Đ ng 3, tòa 3, Số 15 phố Í D T, thị trấn N L, huyện N B, tỉnh T X, Trung Quốc. Thời gian sau đó chị X và anh C Ch có liên lạc với nhau thêm một thời gian, trong quá trình trao đổi hai bên bất đồng quan điểm do khác văn hóa, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau cũng như về khoảng cách nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại anh C Ch đã về Việt Nam làm tại B G nhưng chúng tôi cũng không thể chung sống với nhau. Nhận thấy hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tần Thị X yêu cầu được ly hôn với anh C Ch(G ZH).

Về con chung: Chị Tần Thị X và anh C Ch không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tần Thị X và anh C Ch không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh C Ch(G ZH) trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai đã được dịch thuật và công chứng ngày 03/7/2023, anh C Ch thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như chị Tần Thị X trình bày. Anh C Ch đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tần Thị X; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh C Ch trình bày anh và chị Tần Thị X không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Tần Thị X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C Ch do tính chất công việc nên không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của chị Tần Thị X tại Việt Nam, anh C Ch yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, Việt Nam xét xử vắng mặt anh C Ch.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bào chữa cho chị Tần Thị X xin vắng mặt và có gửi bài bào chữa. Ông đưa ra các căn cứ chứng minh về quan hệ hôn nhân giữa chị Tần Thị X và anh C Ch xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tần Thị X.

Ý kiến của Viện kiểm sát tỉnh Lai Châu:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Về trình tự thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án đều đảm bảo đúng trình

tự, đúng với các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, quy định của pháp luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân & gia đình.

Nội dung xin ly hôn của nguyên đơn là chị Tần thị X và quan điểm của anh C Ch (G ZH) xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Ch không đảm bảo theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Nay chị Tần Thị X yêu cầu ly hôn với anh C Ch là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Giải quyết cho chị Tần Thị X ly hôn với anh C Ch.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung anh C Ch và chị Tần Thị X không có do vậy không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tần Thị X yêu cầu ly hôn với bị đơn anh C Ch (G ZH), đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh C Ch đang cư trú tại nước Trung Quốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án tỉnh Lai Châu, Việt Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn chị Tần Thị X, bị đơn anh C Ch tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Tần Thị X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã được dịch thuật và công chứng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Tần Thị X và anh C Ch theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tần Thị X đối với bị đơn anh C Ch, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/8/2022 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Việt Nam cấp cho chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH); có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Tần Thị X yêu cầu ly hôn anh C Ch (G ZH) với lý do chị Tần Thị X và anh C Ch kết hôn, chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn tại tỉnh Bắc Ninh nơi hai vợ chồng cùng làm công nhân. Khoảng một tháng sau khi đăng ký kết hôn thì chị X nghỉ làm ở Công ty Bắc Ninh trở về nhà tại huyện T Đ, tỉnh Lai Châu còn anh C Ch về Trung Quốc. Thời gian sau đó hai vợ chồng liên lạc với nhau thêm một thời gian, trong quá trình trao đổi hai bên bất đồng quan điểm do khác văn hóa, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau cũng như về khoảng cách nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đến nay mặc dù anh C Ch đi làm tại tỉnh Bắc Giang, nước Việt Nam nhưng hai vợ chồng vẫn không thể về chung sống với nhau. Đối với anh C Ch cũng thừa nhận trình bày của chị Tần Thị X là đúng và đồng ý ly hôn chị Tần Thị X. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH) không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tần Thị X ly hôn anh C Ch (G ZH) theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH) xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tần Thị X và anh C Ch (G ZH) xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án, kiểm sát viên đã đưa ra các căn cứ nhận xét về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ, căn cứ các lời khai của các đương sự, quan điểm của người bào chữa, căn cứ các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tần Thị X ly hôn với anh C Ch. Về tài sản chung, con chung không có nên không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là chị Tần Thị X xin vắng mặt, ông đã gửi bản trình bày quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị X, ông nêu ra các căn cứ chứng minh về quan hệ hôn nhân giữa chị Tần Thị X và anh C Ch xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tần Thị

X. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của người bào chữa phù hợp với yêu cầu của Nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của bị đơn, phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tẩn Thị X phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tẩn Thị X đối với anh C Ch (G ZH):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Chị Tẩn Thị X được ly hôn với anh C Ch (G ZH).

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/8/2022 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Việt Nam cấp cho chị Tẩn Thị X và anh C Ch (G ZH) không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Tẩn Thị X và anh C Ch (G ZH) không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tẩn Thị X và anh C Ch (G ZH) không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tẩn Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000891 ngày 05/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo Bản án:

Chị Tần Thị X vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh C Ch (G ZH) vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại TP Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND h. Tam Đường, Lai Châu;
- Các đương sự;
- Người BVQLHP của Nguyễn đơn
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**